

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức.

Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật.
- Hô hấp ở động vật.
- Tuần hoàn ở động vật.
- Miễn dịch ở người và động vật.

1.2. Kỹ năng:

Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Làm bài trắc nghiệm
- Vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng liên quan thực tiễn.
- Rèn luyện tư duy, kỹ năng quan sát, suy luận và so sánh.
- Rèn thói quen sinh hoạt luyện tập TDDT tốt cho sức khỏe.

2. NỘI DUNG

2.1. Các dạng câu hỏi định tính:

- Trình bày được các hình thức tiêu hóa ở động vật.
- Giải thích được vai trò của thực phẩm sạch trong đời sống con người.
- Trình bày được các hình thức trao đổi khí và giải thích được một số hiện tượng trong thực tiễn.
- Kể tên các bệnh về hô hấp và nêu biện pháp phòng tránh.
- Trình bày khái quát về hệ tuần hoàn và nêu được một số dạng hệ tuần hoàn ở ĐV.
- Phân biệt được hệ tuần hoàn hở và hệ tuần hoàn kín, hệ tuần hoàn đơn và hệ tuần hoàn kép.
- Trình bày cấu tạo, hoạt động của tim, sự phụ hợp giữa cấu tạo và chức năng của tim. Giải thích tính tự động của tim.
- Phân tích tác hại của việc lạm dụng rượu, bia đối với sức khỏe con người, đặc biệt là hệ tim mạch. Trình bày vai trò của TDDT đối với tuần hoàn.
- Phát biểu khái niệm miễn dịch và mô tả khái quát hệ miễn dịch ở người
- Phân biệt miễn dịch đặc hiệu và miễn dịch không đặc hiệu.
- Phân tích vai trò của việc chủ động tiêm phòng vaccine ngừa bệnh.

2.2. Các dạng câu hỏi định lượng: - Không

2.3. Ma trận


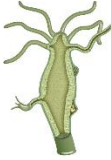

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TL	TN
1	Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật	4	1	1		1	6
2	Hô hấp ở động vật	4	2	1	1	1	8
3	Tuần hoàn ở động vật	4	1	1	1		7
4	Miễn dịch ở người và động vật	4	1	1	1	1	7
Tổng	TN	16	5	4	3		28
	TL	1	1	1	0	3	

2.4. Câu hỏi và bài tập minh họa :

A. Mức độ Nhận biết

Tự luận

Câu 1. Trình bày quá trình tiêu hóa thức ăn ở các nhóm động vật khác nhau theo bảng sau:

	Động vật chưa có cơ quan tiêu hóa	Động vật có túi tiêu hóa	Động vật có ống tiêu hóa
Đại diện			
Cấu tạo cơ quan tiêu hóa			
Diễn biến quá trình tiêu hóa			
Hình thức tiêu hóa			

Câu 2: Nêu bề mặt trao đổi khí ở các nhóm động vật theo bảng sau.

	Bề mặt trao đổi khí
1. Ruột khoang, giun dẹp	
2. Côn trùng và một số chân khớp	
3. Thân mềm, chân khớp, cá sụn, cá xương	
4. Bò sát, chim và thú	

Câu 3. So sánh hệ tuần hoàn hở và hệ tuần hoàn kín theo bảng sau:

Nội dung	Hệ tuần hoàn hở	Hệ tuần hoàn kín
Đại diện		
Hệ mạch		
Đường đi của máu xuất phát từ tim		
Tốc độ, áp lực máu		

Câu 4. a) Thế nào là chu kì tim? Trình bày 1 chu kì hoạt động của tim.

b) Nêu các thành phần của hệ dẫn truyền tim. Mô tả hoạt động của hệ dẫn truyền tim.

c) Huyết áp là gì? Thế nào là huyết áp tâm thu, tâm trương? Huyết áp biến động như thế nào trong hệ mạch?

Câu 5. Phân biệt miễn dịch đặc hiệu và miễn dịch không đặc hiệu

	Miễn dịch không đặc hiệu	Miễn dịch đặc hiệu	
		Miễn dịch thể dịch	Miễn dịch tế bào
Tính đặc hiệu			
Nhân tố tham gia			
Cơ chế bảo vệ			
Tốc độ			
Hiệu quả			

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Tiêu hóa là quá trình

- A. làm biến đổi thức ăn thành các chất hữu cơ đơn giản.
- B. tạo ra các chất dinh dưỡng và năng lượng cung cấp cho cơ thể.
- C. biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng và tạo ra năng lượng.
- D. biến đổi thức ăn thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được

Câu 2: Tiêu hóa nội bào, là quá trình tiêu hóa thức ăn

- A. bên trong tế bào, nhờ quá trình hô hấp tế bào.
- B. bên trong tế bào, nhờ các enzyme trong hệ tiêu hóa
- C. bên ngoài tế bào, nhờ enzyme tiêu hóa và hoạt động cơ học
- D. bên trong tế bào, nhờ enzyme tiêu hóa và hoạt động cơ học

Câu 3: Các động vật nào sau đây có túi tiêu hóa

- A. San hô, thủy tức, sứa.
- B. San hô, thủy tức, giun đất, sứa.
- C. San hô, sứa, châu chấu.
- D. San hô, thủy tức, châu chấu.

Câu 4: Ở động vật có ống tiêu hoá, quá trình tiêu hoá hoá học diễn ra chủ yếu ở

- A. thực quản.
- B. dạ dày.
- C. ruột non.
- D. ruột già.

Câu 5: Sắp xếp các giai đoạn của hô hấp ở động vật sao cho đúng?

- A. Thông khí → trao đổi khí ở tế bào → vận chuyển khí → trao đổi khí ở cơ quan → hô hấp tế bào.
- B. Thông khí → vận chuyển → khí trao đổi khí ở cơ quan → trao đổi khí ở tế bào → hô hấp tế bào
- C. Thông khí → trao đổi khí ở cơ quan → vận chuyển khí → trao đổi khí ở tế bào → hô hấp tế bào.
- D. Thông khí → trao đổi khí ở cơ quan → trao đổi khí ở tế bào → vận chuyển khí → hô hấp tế bào.

Câu 6: Bề mặt trao đổi khí là cơ quan hay bộ phận

- A. các tế bào trao đổi O_2 và CO_2 với nhau.
- B. trao đổi khí O_2 và CO_2 với tế bào.
- C. trao đổi khí O_2 và CO_2 với môi trường.
- D. trao đổi khí O_2 và CO_2 với động vật khác.

Câu 7: Động vật sau đây trao đổi khí qua ống khí là

- A. giun đốt, châu chấu.
- B. lươn, dê mèn.
- C. ong, gián.
- D. chim bồ câu, cá.

Câu 8: Hệ tuần hoàn kép có ở

- A. lưỡng cư, bò sát, sên bọ.
- B. cá, thú, giun đất.
- C. lưỡng cư, chim, thú.
- D. bò sát, chim, thú.

Câu 9: Tim của người có mấy ngăn và mấy van ?

- A. 3 ngăn, 3 van tim
- B. 4 ngăn, 4 van tim
- C. 4 ngăn, 2 van tim
- D. 2 ngăn, 1 van tim

Câu 10: Khả năng co giãn tự động theo chu kì là nhờ hoạt động của

- A. các van tim.
- B. hệ dẫn truyền tim.
- C. hệ mạch máu.
- D. tâm thất

Câu 11: Hệ dẫn truyền tim bao gồm

- A. nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His và mạng Purkinje.
- B. tim, nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His và mạng Purkinje.
- C. tâm thất, nút nhĩ thất, bó His và mạng Purkinje.
- D. tâm nhĩ, nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His

Câu 12: Mỗi chu kỳ tim người diễn ra theo trình tự là

- A. Pha co tâm nhĩ (0,3s) → pha co tâm thất (0,1s) → pha dẫn chung (0,4s)
- B. Pha co tâm thất (0,4s) → pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha dẫn chung (0,4s).
- C. Pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha co tâm thất (0,3s) → pha dẫn chung (0,4s).
- D. Pha dẫn chung (0,4s) → pha co tâm thất (0,3s) → pha co tâm nhĩ (0,1s).

Câu 13: Huyết áp là

- A. áp lực dòng máu lên thành mạch
- B. áp suất thẩm thấu của dung dịch máu.
- C. áp lực dòng máu lên thành cơ tim.
- D. vận tốc máu chảy trong 1 giây.

Câu 14: Miễn dịch là

- A. khả năng cơ thể tự miễn nhiễm với tất cả bệnh tật.
- B. khả năng cơ thể tự bổ sung các chất kháng bệnh.
- C. khả năng cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh.
- D. khả năng cơ thể tự điều hòa các hoạt động sống.

Câu 15: Hệ miễn dịch ở người gồm 2 tuyến miễn dịch là

- A. miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu
- B. miễn dịch hoàn toàn và bán hoàn toàn
- C. miễn dịch tự phát và miễn dịch nhân tạo
- D. miễn dịch cơ thể và miễn dịch môi trường

B. Thông hiểu

Câu 1. Nối các kiểu lấy thức ăn với đặc điểm và đối tượng động vật tương ứng

Đặc điểm
m. Dùng miệng, vòi để lấy thức ăn vào miệng
n. Hút dịch lỏng từ cơ thể động, thực vật khác
p. Lọc nước qua bộ phận chuyên hóa để lấy thức ăn

Kiểu lấy thức ăn
Ăn lọc
Ăn hút
Ăn thức ăn rắn

Đối tượng
a. Muỗi, ong, bọ chét,
b. Trai, sò,....
c. Voi, hổ, người,....

Câu 2. Những động vật nào sau đây hô hấp bằng mang

- Cá chép Trai Đĩa Cá heo Cá voi Nòng nọc ếch
 Cá Mập Lươn Cá Sấu Tôm Cua Hải cẩu

Câu 3. Động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở.

- Ốc sên Trai Kiến Tôm
 Giun đất Mực ống Bạch tuột Thủy tức Éch

Trắc nghiệm

Câu 1: Khi ăn, gà thường hay nuốt những viên sỏi nhỏ vào dạ dày cơ (mề). Tác dụng của nó là

- A. cung cấp calcium cho gà. B. làm tăng hiệu quả tiêu hoá hoá học.
C. làm tăng hiệu quả tiêu hoá cơ học. D. làm tăng thể tích dạ dày cơ của gà.

Câu 2: Sự vận chuyển thức ăn trong ống tiêu hóa ở người được diễn ra theo trình tự

- A. miệng → hầu → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già.
B. miệng → thực quản → hầu → dạ dày → ruột non → ruột già.
C. miệng → hầu → thực quản → dạ dày → ruột già → ruột non.
D. miệng → hầu → dạ dày → thực quản → ruột non → ruột già.

Câu 3: Động vật nào sau đây có ống tiêu hóa?

- A. Thân mềm. B. Ruột khoang. C. Da gai. D. Giun đất.

Câu 4: Ở động vật có ống tiêu hóa, hình thức tiêu hóa là

- A. tiêu ngoại bào + nội bào B. tiêu hóa ngoại bào.
C. tiêu hóa nội bào. D. tiêu ngoại bào + nội bào

Câu 5: Ở người và đa số động vật, bộ phận trực tiếp hấp thụ chất dinh dưỡng là

- A. manh tràng. B. ruột non. C. dạ dày. D. ruột già

Câu 6: Các chất dinh dưỡng sau khi được hấp thụ sẽ được đưa đến các tế bào với mục đích?

1 Dự trữ và cung cấp năng lượng.

2 Tạo tế bào mới, sửa chữa tế bào hỏng.

3 Cấu tạo nên các bào quan như lục lạp, ti thể.

4 Đổi mới các thành phần tế bào.

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 7: Trong hệ tuần hoàn của thú và người, loại mạch có huyết áp lớn nhất là

- A. động mạch chủ. B. tĩnh mạch phổi. C. tĩnh mạch chủ. D. mao mạch.

Câu 8: Trong hệ mạch, huyết áp giảm dần từ

- A. tĩnh mạch chủ → mao mạch → động mạch chủ. B. động mạch chủ → tĩnh mạch chủ → mao mạch.
C. động mạch chủ → mao mạch → tĩnh mạch chủ. D. tĩnh mạch chủ → động mạch chủ → mao mạch.

Câu 9: Ở người trưởng thành, thời gian của một chu kì tim là

- A. 1,2s B. 1s C. 0,8s D. 1,5s

Câu 10: Ở người, loại mạch máu có tiết diện nhỏ nhất là

- A. mao mạch. B. mạch bạch huyết. C. tĩnh mạch. D. động mạch.

Câu 11: Ở người, loại mạch máu có tổng tiết diện lớn nhất là

- A. động mạch. B. mạch bạch huyết. C. tĩnh mạch. D. mao mạch.

Câu 12: Nhóm động vật nào sau đây phổi không chứa phế nang?

- A. Thú B. Lưỡng cư C. Chim D. Bò sát

Câu 13: Gọi là hệ tuần hoàn kín vì

A. máu phân phối đến các cơ quan nhanh

B. máu lưu thông liên tục trong mạch kín

C. máu chảy trong động mạch với áp lực cao.

D. tốc độ máu chảy nhanh, máu đi được xa.

Câu 14: Bệnh nào sau đây là bệnh truyền nhiễm có thể lây lan?

Bệnh lao

Bệnh cúm.

Bệnh dại.

Nhức đầu

Bệnh mù màu

Bệnh bạch tạng

Sốt xuất huyết

Ung thư

Câu 15: Đặc điểm của miễn dịch không đặc hiệu là ?

1 Chỉ được kích hoạt khi tiếp xúc trước với kháng nguyên.

2 Yếu tố có sẵn, mang tính bẩm sinh, được di truyền.

3 Không có tính đặc hiệu với từng tác nhân gây bệnh.

4 Phạm vi bảo vệ rộng, tốc độ đáp ứng nhanh, hiệu quả còn hạn chế.

A. 1, 2, 3.

B. 1, 2, 4.

C. 2, 3, 4

D. 1, 3, 4

C. Vận dụng

Câu 1: a) Hãy nêu vai trò của thực phẩm sạch trong đời sống. Để xây dựng chế độ ăn uống hợp lí, chúng ta cần tuân thủ bao nhiêu nguyên tắc nào?

b) Kể tên các bệnh về tiêu hóa. Hãy nêu một số biện pháp hiệu quả trong việc phòng tránh các bệnh về đường tiêu hóa?

Câu 2: Hãy kể tên một số bệnh về đường hô hấp. Nêu lợi ích của việc luyện tập TDTT đối với hô hấp.

Trắc nghiệm

Câu 1: Có bao nhiêu biện pháp sau đây có thể phòng tránh các bệnh về đường tiêu hóa?

1. Ăn uống hợp vệ sinh, vệ sinh răng miệng đúng cách.

2. Thiết lập khẩu phần ăn, thực hiện chế độ ăn uống khoa học

3. Có hình thức vận động, nghỉ ngơi hợp lí sau khi ăn.

4. Kiểm tra định kì các cơ quan tiêu hóa

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4

Câu 2. Các chất được ruột non hấp thụ theo những cơ chế nào sau đây là chủ yếu?

1. Hấp thụ chủ động

2. Cơ chế thực bào, ẩm bào.

3. Cơ chế thẩm thấu (thụ động)

4. Cơ chế khếch tán (thụ động)

A. 1, 3, 4.

B. 1, 2, 4.

C. 1, 3, 4.

D. 2, 3, 4.

Câu 3. Khi nói về ưu điểm của ống tiêu hóa so với túi tiêu hóa, phát biểu nào sau đây đúng

1. Trong ống tiêu hóa, dịch tiêu hóa bị hòa loãng nên enzyme hoạt động hiệu quả hơn

2. Trong ống tiêu hóa, thức ăn theo 1 chiều và không bị trộn lẫn với chất thải và phân.

3. Ống tiêu hóa có nhiều bộ phận chuyên hóa với chức năng khác nhau → hiệu quả tiêu hóa cao hơn

4. Trong ống tiêu hóa, thức ăn được tiêu hóa cơ học và hóa học → hiệu quả tiêu hóa cao hơn

A. 1, 2, 3

B. 1, 3, 4.

C. 1, 2, 4

D. 2, 3, 4.

Câu 4: Sữa mẹ là tốt nhất cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ hơn sữa tổng hợp vì sữa mẹ có chứa

A. nhiều chất dinh dưỡng hơn sữa tổng hợp.

B. các kháng nguyên mà sữa tổng hợp không có.

C. các chất kháng sinh mà sữa tổng hợp không có.

D. kháng thể sẵn có mà sữa tổng hợp không có.

Câu 5: Có bao nhiêu biện pháp dưới đây giúp phòng tránh các bệnh hô hấp?

1 Ăn uống và nghỉ ngơi hợp lí

2 Tăng sức đề kháng bằng cách tập thể dục, tiêm vaccine.

3 Vệ sinh và bảo vệ môi trường, vệ sinh cá nhân thường xuyên.

4 Đeo khẩu trang khi ra đường, khám sức khỏe hô hấp định kì.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

D. Vận dụng cao

Trắc nghiệm

Câu 1: Ô nhiễm không khí và khói thuốc sẽ ảnh hưởng đến hô hấp và sức khỏe con người. Có bao nhiêu giải thích sau đây đúng khi nói về nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí?

1 Quang hợp thải ra lượng lớn CO₂ ảnh hưởng đến hô hấp

2 Khói thuốc lá có rất nhiều chất gây ung thư.

3 Hoạt động công nghiệp thải ra càng nhiều khí độc

4 Các chất độc nông nghiệp thuốc trừ sâu, phân bón hóa học

Câu 2: Việc “luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên” có bao nhiêu lợi ích sau đây?

- 1 Cơ tim phát triển, thành tim dày, tăng thể tích tim và sức đàn hồi tim
- 2 Tăng sức đàn hồi và độ bền mạch máu, tăng lưu lượng máu
- 3 Tăng nhịp tim nhưng giữ nguyên lưu lượng tim nên tim hoạt động ít hơn
- 4 Tăng thể tích máu, tăng số lượng hồng cầu, tăng khả năng cung cấp O₂.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 3: Khi nói về “Tác hại của rượu bia” đối với tim mạch tim mạch và sức khỏe, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- 1 Tăng nguy cơ nhồi máu cơ tim, đột quỵ, tăng glyceride,....
- 2 Rượu, bia làm tim đập nhanh, mạnh dẫn đến huyết áp tăng cao
- 3 Về lâu dài, gây tổn thương não làm mất trí nhớ, rối loạn vận động.
- 4 Làm rối loạn hành vi, gây nghiện, dễ nổi nóng và trầm cảm,...

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 4. Đánh dấu check (✓) vào những trường hợp làm tăng huyết áp, dấu (x) vào trường hợp làm giảm huyết áp.

- | | | |
|--|--|--|
| <input type="checkbox"/> Chạy xa 1000m | <input type="checkbox"/> Mất máu do tai nạn | <input type="checkbox"/> Bị tiêu chảy |
| <input type="checkbox"/> Ăn mặn thường xuyên | <input type="checkbox"/> Nghiện rượu, thuốc lá | <input type="checkbox"/> Stress, căng thẳng. |
| <input type="checkbox"/> Bị béo phì | <input type="checkbox"/> Người cao tuổi. | <input type="checkbox"/> Bị nôn mửa |

2.5. Đề minh họa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ THI HK I NĂM HỌC 2023 -2024

Môn thi: SINH HỌC 11

Ngày thi: .../12 /2023

Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ MINH HỌA

Mã đề: 001

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (28 CÂU – 7 điểm)

Câu 1: Động vật nào sau đây có ống tiêu hóa?

- A. Thân mềm. B. Ruột khoang. C. Da gai. D. Giun đất.

Câu 2: Ở động vật có ống tiêu hóa, hình thức tiêu hóa là

- A. tiêu ngoại bào + nội bào B. tiêu hóa ngoại bào.
C. tiêu hóa nội bào. D. tiêu ngoại bào + nội bào

Câu 3: Loài động vật nào dưới đây chưa có cơ quan tiêu hóa?

- A. Thủy tức. B. Giun đất. C. Trùng amip. D. Cào cào.

Câu 4: Ở động vật chưa có cơ quan tiêu hóa, hình thức tiêu hóa là

- A. tiêu ngoại bào + nội bào B. tiêu hóa ngoại bào.
C. tiêu hóa nội bào. D. tiêu ngoại bào + nội bào

Câu 5: Ở cá xương, nơi diễn ra quá trình trao đổi khí trực tiếp với dòng nước là hệ thống mao mạch trên

- A. cung mang B. phiến mang C. sợi mang. D. miệng

Câu 6: Động vật trao đổi khí vừa qua phổi vừa qua da là

- A.Ếch đồng B. Cá sấu C. Châu chấu D. Lươn

Câu 7: Phổi của lưỡng cư, bò sát và thú được cấu tạo từ các

- A. Ống khí B. Phế nang C. Phiến mang D. Túi khí

Câu 8: Chức năng của van tim là

- A. cho máu đi qua theo hai chiều B. đóng mở theo nhịp đẩy của tim
C. ngăn không có máu đi qua D. cho máu đi qua theo một chiều

Câu 9: Ở người bình thường, huyết áp cực đại khoảng

- A. 7 – 8 mmHg B. 70 – 80 mmHg C. 110 – 120 mmHg D. 11- 12 mmHg

Câu 10: Ở động vật chưa có cơ quan tiêu hóa, hình thức tiêu hóa là

- A. tiêu hóa nội bào + ngoại bào B. tiêu hóa ngoại bào.
C. tiêu hóa nội bào. D. tiêu ngoại bào + nội bào.

Câu 11: Động vật đơn bào hay đa bào có tổ chức thấp (ruột khoang, giun tròn, giun dẹp) hô hấp

- A. bằng mang. B. bằng phổi. C. bằng hệ thống ống khí. D. qua bề mặt cơ thể.

Câu 12: Hệ dẫn truyền tim hoạt động theo trình tự là

- A. Nút xoang nhĩ phát xung điện → Nút nhĩ thất → Bó His → Mạng lưới Purkinje.
- B. Nút xoang nhĩ phát xung điện → Bó His → Nút nhĩ thất → Mạng lưới Purkinje.
- C. Nút xoang nhĩ phát xung điện → Nút nhĩ thất → Mạng lưới Purkinje → Bó His.
- D. Nút xoang nhĩ phát xung điện → Mạng lưới Purkinje → Nút nhĩ thất → Bó His

Câu 13: Đường đi của máu trong hệ tuần hoàn kín là

- A. tim → động mạch → mao mạch → tĩnh mạch → tim.
- B. tim → động mạch → tĩnh mạch → mao mạch → tim.
- C. tim → mao mạch → động mạch → tĩnh mạch → tim.
- D. tim → tĩnh mạch → mao mạch → động mạch → tim.

Câu 14: Dựa trên khả năng lây truyền, bệnh được chia thành

- A. bệnh ngoài da và bệnh rối loạn cân bằng.
- B. bệnh di truyền và bệnh không di truyền.
- C. bệnh truyền nhiễm và bệnh không truyền nhiễm.
- D. bệnh có triệu chứng và bệnh không triệu chứng.

Câu 15: Ở động vật trên cạn, cơ quan hô hấp trao đổi khí hiệu quả nhất là phổi của

- A. chim.
- B. bò sát.
- C. Phổi ếch nhái.
- D. thú.

Câu 16: Phổi thú có hiệu quả hô hấp cao hơn phổi của bò sát và lưỡng cư vì

- A. phổi có cấu trúc phức tạp hơn, chênh lệch khí cao hơn.
- B. phổi có kích thước lớn hơn, lấy được nhiều khí mỗi lần hô hấp.
- C. phổi có khối lượng lớn hơn, hoạt động nhịp nhàng hơn.
- D. phổi có rất nhiều phế nang, diện tích bề mặt trao đổi khí lớn

Câu 17: Vai trò của tim trong tuần hoàn máu là

- A. bơm và đẩy máu đi trong hệ tuần hoàn.
- B. nơi máu trao đổi trao đổi khí O₂ và CO₂
- C. trạm trung gian để máu đi qua.
- D. chứa và dự trữ máu phân phối đến tế bào.

Câu 18: Chức năng của hệ tuần hoàn là

- A. Vận chuyển các chất trong cơ thể.
- B. Cung cấp oxygen cho các bộ phận cơ thể
- C. Cung cấp chất dinh dưỡng cho các bộ phận cơ thể.
- D. Cung cấp năng lượng cho tế bào và cơ thể

Câu 19: Điểm khác nhau giữa hệ tuần hoàn cá nược và hệ tuần hoàn cá voi là gì?

- A. Cá voi có mao mạch, cá nược không có mao mạch.
- B. Tim cá voi có 2 ngăn, tim cá nược có 4 ngăn.
- C. Cá voi có 2 vòng tuần hoàn, cá nược chỉ có 1 vòng tuần hoàn.
- D. Cá voi có vòng tuần hoàn kín, cá nược có vòng tuần hoàn hở.

Câu 20: Hiện tượng cơ thể phản ứng quá mức của cơ thể đối với kháng nguyên nhất định được gọi là gì?

- A. Dị ứng.
- B. Mẫn cảm.
- C. Sốc.
- D. Viêm.

Câu 21: Virus gây hội chứng AIDS có khả năng

- A. tấn công và tiêu diệt tế bào trình diện, làm hệ miễn dịch suy yếu.
- B. tấn công và tiêu diệt các kháng thể, làm hệ miễn dịch suy yếu.
- C. tấn công và tiêu diệt tế bào T độc, làm hệ miễn dịch suy yếu.
- D. tấn công và tiêu diệt tế bào T hỗ trợ, làm hệ miễn dịch suy yếu.

Câu 22: Hệ tuần hoàn đơn có ở

- A. cá
- B. lưỡng cư.
- C. bò sát
- D. chim

Câu 23: Hệ tuần hoàn kép có ở

- A. lưỡng cư, bò sát, sấu bọ.
- B. cá, thú, giun đất.
- C. lưỡng cư, chim, thú.
- D. bò sát, chim, thú.

Câu 24: Miễn dịch đặc hiệu gồm

- A. miễn dịch dịch thể và miễn dịch phòng tránh
- B. miễn dịch dịch thể và miễn dịch tế bào
- C. miễn dịch tế bào và miễn dịch phòng tránh
- D. miễn dịch tế bào và miễn dịch cơ thể

Câu 25: Trong cơ thể người, kháng thể không tồn tại ở

- A. máu
- B. dịch bạch huyết
- C. tế bào
- D. sữa

Câu 26: Trao đổi khí bằng túi khí gặp ở sinh vật nào?

- A. Ếch nhái.
- B. Châu chấu.
- C. Chim.
- D. Giun đất

Câu 27: Ở động vật trên cạn, cơ quan hô hấp trao đổi khí hiệu quả nhất là phổi của

- A. chim.
- B. bò sát.
- C. Phổi ếch nhái.
- D. thú.

Câu 28: Sự thông khí ở phổi của lưỡng cư nhờ sự

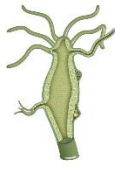

- A. vận động của toàn bộ hệ cơ.
- B. vận động của các chi.

C. vận động của các cơ hô hấp.

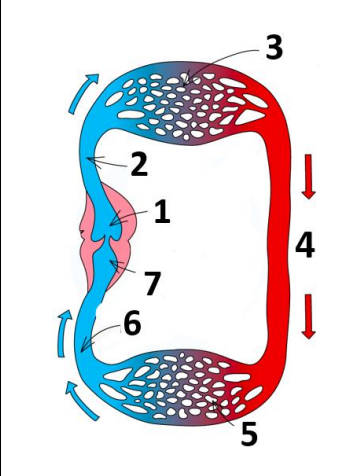
D. nâng lên, hạ xuống của thềm miệng

PHẦN II: TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: Trình bày quá trình tiêu hóa thức ăn ở các nhóm động vật khác nhau theo bảng sau:

	Động vật có túi tiêu hóa	Động vật có ống tiêu hóa
Đại diện  
Cấu tạo cơ quan tiêu hóa		
Diễn biến quá trình tiêu hóa		
Hình thức tiêu hóa		

Câu 2: Sơ đồ sau mô tả cấu tạo và đường đi của máu trong hệ tuần hoàn đơn ở cá. Em hãy ghi chú hình cho đúng



Số kí hiệu
1
2
3
4
5
6
7

Tên thành phần
1
2
3
4
5
6
7

Câu 3: Khoanh tròn vào những thành phần sau đây thuộc hệ thống miễn dịch không đặc hiệu?

1. Da, niêm mạc, nhung mao đường hô hấp
2. Nước mắt, nước bọt, dịch dạ dày, dịch nhầy.
3. Kháng thể.
4. Đại thực bào, bạch cầu trung tính.

----- HẾT -----

Hoàng Mai, ngày 1 tháng 12 năm 2023
TỔ (NHÓM) TRƯỞNG